

Số: 561/TB-TMT-HĐQT
No.: 561/TB-TMT-HĐQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2026
Hanoi, August 25, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

Tên tổ chức / Organization name: Công ty Cổ phần ô tô TMT / TMT Motors Corporation

Mã chứng khoán/ Securities Symbol: TMT

Địa chỉ trụ sở chính/ Address: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, TP Hà Nội / 9th + 10th Floor, Coninco Building, No. 4 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Hanoi City.

Điện thoại/ Telephone: 04 3 8628205

Fax: 04 3 8628703

Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Ông Bùi Quốc Công/Mr Bui Quoc Cong

Chức vụ/ Position: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (Vice Chairman of the Board of Directors)

Loại thông tin công bố/ Type of information disclosed:

☒ định kỳ/periodical ☐ bất thường/abnormal

☒ 24h/24hours ☐ Theo yêu cầu/On request

Nội dung thông tin công bố/Information disclosure content:

Ngày 25/08/2026, Công ty cổ phần ô tô TMT công bố báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên năm 2026 và giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026)

(On August 25, 2026, TMT Motors Corporation announced its separate financial statements for the six-month period ended 30 June 2026 and Explanation of Business Performance for the First Six Months of 2026)

Thông tin này đã được đăng công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần ô tô TMT vào ngày 25/08/2026: <https://tmt-vietnam.com>

(This information was published on the website of TMT Motors Corporation on August 25, 2026: <https://tmt-vietnam.com>)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

(We hereby commit that the information published above is true and take full legal responsibility for the content of the published information)

Tài liệu đính kèm (Attached documents):

- Báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên năm 2026
(Separate financial statements for the six-month period ended 30 June 2026)

- Giải trình KQKD 6 tháng đầu năm 2026
(Explanation of Business Performance for the First Six Months of 2026)

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
(INFORMATION DISCLOSURE PERSON)**



**KẾT CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
Bùi Quốc Công**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

Công ty Cổ phần Ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) đã tiến hành công bố Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026. Liên quan đến nội dung công bố, Công ty chúng tôi xin giải trình về sự biến động lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm 2025 như sau:

1. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	6T đầu năm 2026	6T đầu năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.132.677	1.231.658	(98.981)	-8%
2	Giá vốn hàng bán	971.404	1.099.027	(127.623)	-12%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	161.273	132.631	28.642	22%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4.955	3.064	1.891	62%
5	Chi phí tài chính	35.075	24.143	10.932	45%
6	Chi phí bán hàng	46.038	27.426	18.612	68%
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.783	24.833	(4.050)	-16%
8	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	64.734	55.921	8.813	16%

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 64,7 tỷ đồng tăng 8,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2025, nguyên nhân chủ yếu do:

- **Doanh thu thuần giảm 98 tỷ tương ứng với mức giảm 8%** so với cùng kỳ năm 2025 chủ yếu do sản lượng và cơ cấu tiêu thụ một số dòng sản phẩm có sự thay đổi so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mức giảm doanh thu thấp hơn đáng kể so với mức giảm của giá vốn hàng bán, cho thấy hiệu quả kinh doanh cốt lõi đã được cải thiện.

- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện 8 mục tiêu của HDQT trong đó việc tái cấu trúc sản phẩm và nhà cung cấp. Sản lượng bán hàng 6 tháng đầu năm 2026 tất cả là các dòng xe Euro 5 có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, phối bộ kỹ thuật phù hợp và giá

thành cạnh tranh. Các sản phẩm tiêu thụ trong kỳ có giá thành cạnh tranh, phù hợp với nhu cầu thị trường, góp phần cải thiện hiệu quả kinh doanh và biên lợi nhuận của Công ty

- **Giá vốn hàng bán đạt 971 tỷ, giảm 127 tỷ tương ứng mức giảm 12% so với cùng kỳ năm 2025.** Mức giảm của giá vốn (12%) cao hơn mức giảm của doanh thu thuần (8%), cho thấy hiệu quả quản trị giá vốn trong kỳ được cải thiện. Biến động này chủ yếu gắn với sự thay đổi cơ cấu sản phẩm tiêu thụ, đồng thời Công ty tăng cường kiểm soát chi phí đầu vào, chi phí sản xuất và lựa chọn các sản phẩm có hiệu quả kinh doanh tốt hơn

- **Doanh thu tài chính đạt 4,9 tỷ đồng, tăng 1,8 tỷ tương ứng 62% so với cùng kỳ năm 2025** chủ yếu là lãi tiền gửi tăng và phát sinh một số khoản thu tài chính khác

- **Chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2026 là 35 tỷ đồng, tăng 10,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 45% so với cùng kỳ năm 2025** chủ yếu tăng do chi phí lãi vay tăng theo nhu cầu bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, đồng thời chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với các khoản vay và công nợ ngoại tệ

- **Chi phí bán hàng 6 tháng đầu năm 2026 đạt 46 tỷ đồng, tăng 18,6 tỷ đồng tương ứng tăng 68% so với cùng kỳ năm 2025** do Công ty đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến bán hàng, marketing, chăm sóc hệ thống đại lý và gia tăng sản lượng tiêu thụ nhằm mở rộng thị phần

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2026 đạt 20,7 tỷ đồng, giảm 4 tỷ đồng, tương ứng mức giảm ~ 16% so với cùng kỳ năm 2026** do Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu bộ máy và kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí quản lý, góp phần giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước.

2. Chênh lệch số liệu hợp nhất 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Quý II Năm 2026	Quý II Năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.100.703	1.233.302	132.598	-11%
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62.918	54.932	7.985	15%

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 tăng 7,9 tỷ đồng, tương ứng tăng 15% so với cùng kỳ năm 2025 nguyên nhân chủ yếu do thay đổi báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu có tác động lớn đến chênh lệch số liệu báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 của Công ty Cổ phần Ô tô TMT.

Xin trân trọng báo cáo!

Nơi nhận: *ph k*

- Như trên;
- Lưu VP, P.TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



BÙI QUỐC CÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Số: ~~564~~ /TMT-TCKT

V/v: Giải trình, báo cáo tình hình khắc phục tình
trạng lỗ lũy kế 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2026

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố HCM**

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

Công ty Cổ phần Ô tô TMT (Mã chứng khoán: TMT) xin gửi lời chào trân trọng
tới Quý Sở giao dịch chứng khoán thành phố HCM.

Theo công văn số 238/TMT-TCKT ngày 16/04/2025 về việc giải trình biện pháp
khắc phục lỗ lũy kế năm 2024 của Công ty cổ phần ô tô TMT và báo cáo tài chính hợp
nhất Quý 2 năm 2026 chúng tôi xin báo cáo tình hình khắc phục như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước: (207.109.826.349)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 6 tháng đầu năm 2026: 62.973.082.027

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế (144.136.744.322)

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Công ty đã ghi nhận lợi nhuận sau thuế dương 62,9
tỷ đồng, góp phần giảm mức lỗ lũy kế xuống còn 144 tỷ đồng, tương ứng giảm khoảng
31% so với thời điểm cuối năm 2025. Kết quả này phản ánh những chuyển biến tích
cực trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, là hệ quả của quá trình tái cấu trúc
toàn diện đã được Công ty triển khai và thực hiện trong năm 2024.

Kế hoạch trong thời gian tới:

- Tiếp tục duy trì đà tăng trưởng doanh số bán hàng, tối ưu cơ cấu sản phẩm.
- Tăng cường quản lý hàng tồn kho theo mô hình Min-Max linh hoạt, đảm bảo
luân chuyển vốn hiệu quả.
- Quản trị hàng tồn kho chậm luân chuyển không quá 04 tháng, tăng tốc độ quay
vòng vốn, giảm chi phí lưu kho
- Tiếp tục rà soát khâu sản xuất để tiết giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm
- Tiếp tục các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu cơ cấu sản phẩm hiện
có và chủ động nghiêm cứu đưa ra các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu thị trường.

Từ những nội dung trên, Công ty phấn đấu năm 2026 duy trì lợi nhuận ổn định và
từng bước xử lý toàn bộ số lỗ lũy kế còn lại, hướng tới việc đưa Công ty ra khỏi tình



trạng lỗ lũy kế, bảo đảm quyền lợi của cổ đông và tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định, bền vững trong các năm tiếp theo.

Trên đây là phương án khắc phục lỗ của công ty chúng tôi. Vì vậy, bằng văn bản này công ty cổ phần ô tô TMT giải trình với sở giao dịch chứng khoán thành phố HCM về lộ trình và biện pháp khắc phục lợi nhuận sau thuế âm của Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận: *h*

- Như trên,
- Lưu VP, P.TCKT.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT *gr*



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Văn Hữu



CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026
đã được soát xét

(

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 – 54

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Ô tô TMT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Khái quát

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo và Ban Kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch
Ông Bùi Quốc Công	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Đình Phóng	Thành viên
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên
Ông Mai Tiến	Thành viên
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên
Ông Bùi Tiến Đạt	Thành viên

Phó Tổng Giám đốc

Ông Bùi Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Kim Đức	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 27/01/2026
Ông Bùi Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 27/01/2026

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Bùi Văn Kiên	Thành viên
Bà Lê Thị Ngà	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này

Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
-----------------	----------------------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Lãnh đạo đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống Kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Bùi Văn Hữu

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Số : 04.07.1.1/26/BCSX/NVA.CNPB

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Ô tô TMT**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô TMT, được lập ngày 24 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 54, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về Kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA

- Chi nhánh phía Bắc

Giám đốc



Phạm Văn Cường

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2922-2024-152-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ****BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.760.105.491.759	1.118.551.615.754
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	296.095.888.469	365.187.765.433
1. Tiền	111		75.151.093.948	129.484.375.022
2. Các khoản tương đương tiền	112		220.944.794.521	235.703.390.411
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54.628.515.702	142.793.845.290
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	1.073.530	1.073.530
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.2	(196.600)	(153.930)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2	54.627.638.772	142.792.925.690
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		272.310.999.360	156.606.746.279
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	67.032.129.082	78.692.394.009
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	94.586.246.338	48.831.244.057
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	126.903.504.567	45.293.988.840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(16.210.880.627)	(16.210.880.627)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.083.702.091.311	446.561.126.347
1. Hàng tồn kho	141		1.110.973.897.808	463.075.486.357
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(27.271.806.497)	(16.514.360.010)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		53.367.996.917	7.402.132.405
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.13	6.102.551.282	3.036.207.069
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		47.250.538.745	4.217.803.319
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.17	14.906.890	148.122.017
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		460.552.749.993	381.433.962.888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.459.198.467	1.150.987.955
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5	1.459.198.467	1.150.987.955
II. Tài sản cố định	220		180.758.923.279	187.180.136.348
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	169.742.160.107	176.208.642.888
- Nguyên giá	222		395.538.557.051	398.138.135.324
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(225.796.396.944)	(221.929.492.436)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	9.594.167.729	9.385.622.717
- Nguyên giá	225		10.524.669.924	9.499.897.918
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(930.502.195)	(114.275.201)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.422.595.443	1.585.870.743
- Nguyên giá	228		2.831.445.000	2.831.445.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.408.849.557)	(1.245.574.257)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.12	82.323.061.441	83.442.366.901
- Nguyên giá	241		102.543.081.684	102.543.081.684
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(20.220.020.243)	(19.100.714.783)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.8	7.583.650.674	7.102.690.240
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		7.583.650.674	7.102.690.240
VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	115.560.423.825	23.572.489.903
1. Đầu tư vào công ty con	261		127.899.500.000	33.148.072.273
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		-	-
4. Dự phòng tổn thất đầu tư và đơn vị khác dài hạn (*)	264		(12.339.076.175)	(9.575.582.370)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		72.867.492.307	78.985.291.541
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.13	72.867.492.307	78.985.291.541
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.220.658.241.752	1.499.985.578.642

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.971.286.013.815	1.315.347.032.570
I. Nợ ngắn hạn	310		1.708.350.876.841	1.092.272.140.224
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	897.432.952.236	526.977.646.239
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	67.631.433.167	71.028.064.374
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	3.676.771.209	10.047.402.244
5. Phải trả người lao động	315		8.689.377.974	4.183.029.203
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	31.801.333.917	11.887.820.875
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19	23.421.842.368	14.414.296.068
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.14	675.301.033.693	453.150.418.944
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		396.132.277	583.462.277
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		262.935.136.974	223.074.892.346
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.16	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	V.20	312.195.546	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.19	28.262.000.000	29.462.000.000
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.14	234.360.941.428	193.612.892.346
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

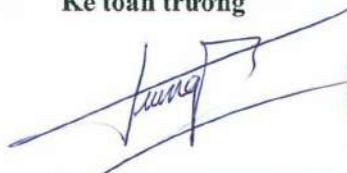
CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	249.372.227.937	184.638.546.072
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		372.876.800.000	372.876.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		360.727.500	360.727.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		483.226.387	483.226.387
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(8.680.989.647)	(8.680.989.647)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.289.479.810	17.289.479.810
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(132.957.016.113)	(197.690.697.978)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(197.690.697.978)	(262.428.465.671)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		64.733.681.865	64.737.767.693
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.220.658.241.752	1.499.985.578.642

Người lập biểu

Bùi Đức Huy**Kế toán trưởng**

Nguyễn Nghĩa Trung**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Bùi Văn Hữu

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

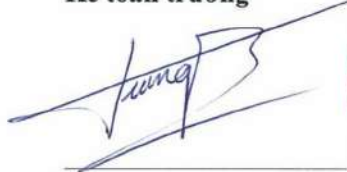
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1.134.631.270.921	1.233.743.231.656
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	1.954.409.120	2.085.292.741
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.132.676.861.801	1.231.657.938.915
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	971.403.688.815	1.099.026.871.095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		161.273.172.986	132.631.067.820
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	4.955.340.957	3.064.351.220
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	35.075.030.287	24.142.989.859
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		29.042.878.365	13.028.168.270
9. Chi phí bán hàng	25	VI.8	46.037.911.909	27.425.802.958
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	20.782.932.005	24.832.712.453
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.332.639.742	59.293.913.770
12. Thu nhập khác	31	VI.6	4.647.411.084	1.147.329.163
13. Chi phí khác	32	VI.7	4.246.368.961	4.520.400.919
14. Lợi nhuận khác	40		401.042.123	(3.373.071.756)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.733.681.865	55.920.842.014
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.733.681.865	55.920.842.014

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

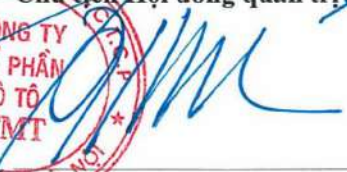
Kế toán trưởng



Nguyễn Nghĩa Trung



Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Văn Hữu

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		64.733.681.865	55.920.842.014
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.517.345.927	9.760.871.184
- Các khoản dự phòng	03		13.520.982.962	1.682.116.656
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.147.120.426	13.085.334.789
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.775.734.166)	(1.890.702.610)
- Chi phí đi vay	06		29.042.878.365	13.028.168.270
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		116.186.275.379	91.586.630.303
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(197.503.606.023)	429.403.992.938
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(647.898.411.451)	(193.455.501.814)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		411.207.593.334	(279.880.621.051)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		3.051.455.021	(853.484.090)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		(28.098.207.988)	(12.819.845.322)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(8.131.042.097)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(343.054.901.728)	25.850.128.867
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.208.784.567)	(3.178.640.515)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.021.784.512	18.518.519
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(268.949.253.292)	(27.440.406.669)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		357.170.791.212	2.470.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(77.977.569.648)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.529.718.395	813.543.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.586.686.612	(27.316.985.630)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

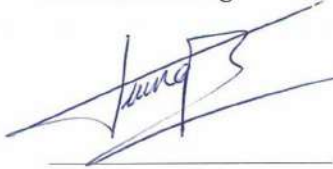
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại) VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.348.687.048.986	1.007.526.728.198
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.085.054.553.540)	(1.000.964.031.256)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.453.221.564)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		262.179.273.882	6.562.696.942
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(69.288.941.234)	5.095.840.179
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		365.187.765.433	283.641.026.844
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		197.064.270	(168.550.983)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		296.095.888.469	288.568.316.040

Người lập biểu



Bùi Đức Huy

Kế toán trưởng



Nguyễn Nghĩa Trung



Bùi Văn Hữu

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ô tô TMT trước đây là Công ty Thương mại và Sản xuất vật tư Thiết bị giao thông vận tải, thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, được chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 870/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2006 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014956 lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi với mã số doanh nghiệp là 0100104563 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 9 + 10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 là sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe ô tô, phụ tùng các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các đơn vị trực thuộc là đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại Hưng Yên - Nhà máy ô tô Cầu Long	Thôn Tuấn Dị, Xã Như Quỳnh, Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Ô tô TMT tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 1454 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, TP. Hồ Chí Minh

Tại ngày 30/6/2026, Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh (*)	Thanh Hoá	Tạm ngừng kinh doanh	10.000.000.000	99,998%	99,998%
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	Đà Nẵng	Thương mại	5.000.000.000	98,00%	98,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sặc Việt Nam	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ	100.000.000.000	98,00%	98,00%

(*) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh tiếp tục tạm dừng kinh doanh từ ngày 01/8/2025 đến ngày 31/07/2026. Công ty đang tiếp tục làm thủ tục gia hạn tạm dừng kinh doanh đến ngày 30/7/2027.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6. Số lượng lao động

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 714 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 544 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái để ghi sổ kế toán cho các giao dịch kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;
- Áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Công ty sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ ra đồng tiền ghi sổ kế toán thì doanh nghiệp được sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế đó để hạch toán cho cả bên Nợ và bên Có của Tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

- Công ty áp dụng tỷ giá ghi sổ là tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.
- Xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ:

Công ty áp dụng tỷ giá hối đoái để hạch toán các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

- Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Riêng số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, Công ty thực hiện đánh giá lại số dư tất cả các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Công ty không thực hiện đánh giá lại đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.
- Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh;

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh nắm giữ vì mục đích mua bán lại để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Các chi phí mua chứng khoán kinh doanh (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí ngân hàng,... được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cổ tức được chia bằng tiền từ chứng khoán kinh doanh vào doanh thu hoạt động tài chính cho giai đoạn sau ngày đầu tư. Khoản cổ tức được chia bằng tiền hoặc các khoản lãi thu bằng tiền cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Trường hợp nhà đầu tư nhận được thêm cổ phiếu do đơn vị nhận đầu tư là công ty cổ phần sử dụng thặng dư vốn, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để phát hành thêm cổ phiếu (chia cổ tức bằng cổ phiếu), nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính và không ghi nhận tăng chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc được xác định theo giá trị thực tế của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con;

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự Kiểm soát của Công ty. Việc Kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng Kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng mua đang đi đường: Bao gồm giá trị hàng hoá, vật tư mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của Công ty nhưng còn đang đi đường.
- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.
- Hàng gửi đi bán: Bao gồm giá trị hàng hoá, sản phẩm đã gửi bán đại lý.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10	03 - 10
Phương tiện vận tải	02 - 15	02 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 15	02 - 15
Tài sản cố định khác	02 - 04	02 - 04
Phần mềm	03 - 10	03 - 10

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà	05 - 25	05 - 25
Cơ sở hạ tầng	17	17
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao	Không trích khấu hao

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chỉ trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền Kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng Kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự Kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Tiền	75.151.093.948	129.484.375.022
Tiền mặt	417.474.126	344.079.769
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	74.733.619.822	129.140.295.253
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (**)	220.944.794.521	235.703.390.411
Cộng	296.095.888.469	365.187.765.433

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	41.184.820.745	112.047.982.511
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	24.349.639.177	8.403.856.362
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.089.484.007	7.720.825.014
Các ngân hàng khác	2.109.675.893	967.631.366
Cộng	74.733.619.822	129.140.295.253

(**) Chi tiết các khoản tương đương tiền:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Trình bày lại) VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - gốc tiền gửi (a)	220.000.000.000	235.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - lãi dự thu (a)	944.794.521	703.390.411
Cộng	220.944.794.521	235.703.390.411

(a) Khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn 38 ngày, lãi suất 4,75%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính
a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	1.073.530	999.000	(196.600)	(153.930)
Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện	679.000	482.400	(196.600)	(165.400)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín	394.530	516.600	-	11.470

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
b1. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	54.627.638.772	54.627.638.772	-	-
Cho vay	-	-	-	-
Cộng	54.627.638.772	54.627.638.772	-	-

(*) Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn

Ngân hàng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Gốc tiền gửi (VND)	Lãi dự thu (VND)	Cộng (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	20/02/2026	20/11/2026	1.227.163.698	10.129.984	1.237.293.682	2,30	9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	11/08/2025	11/08/2026	561.865.995	27.431.375	589.297.370	5,50	12
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	03/11/2025	03/10/2026	1.030.051.875	37.251.191	1.067.303.066	5,50	11
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	07/08/2025	07/08/2026	578.600.000	28.597.107	607.197.107	5,50	12
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	07/08/2025	07/08/2026	1.357.080.000	67.073.214	1.424.153.214	5,50	12
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	25/09/2025	25/09/2026	633.000.000	11.128.660	644.128.660	2,30	12
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	26/09/2025	26/09/2026	3.143.900.000	131.699.263	3.275.599.263	5,50	12
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	06/02/2026	06/08/2026	4.223.024.795	100.658.399	4.323.683.194	6,00	6

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày gửi	Ngày đáo hạn	Gốc tiền gửi (VND)	Lãi dự thu (VND)	Cộng (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	06/02/2026	06/08/2026	4.223.024.795	100.658.399	4.323.683.194	6,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	06/02/2026	06/02/2027	5.803.359.849	140.632.104	5.943.991.953	6,10	12
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	18/04/2026	18/10/2026	5.820.749.795	94.407.777	5.915.157.572	8,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	05/05/2026	05/11/2026	527.878.100	6.594.861	534.472.961	8,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	20/03/2026	21/09/2026	1.000.000.000	22.575.342	1.022.575.342	8,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	06/04/2026	06/10/2026	2.000.000.000	37.698.630	2.037.698.630	8,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	27/05/2026	27/11/2026	1.200.000.000	9.205.479	1.209.205.479	8,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	02/06/2026	02/12/2026	1.000.000.000	6.356.164	1.006.356.164	8,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	23/06/2026	23/12/2026	3.100.000.000	5.435.616	3.105.435.616	8,00	6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	29/06/2026	29/12/2026	5.650.000.000	2.476.712	5.652.476.712	8,00	6
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	23/01/2026	23/07/2026	2.250.000.000	33.324.658	2.283.324.658	3,40	6
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	26/01/2026	24/07/2026	4.800.000.000	69.751.233	4.869.751.233	3,40	6
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	20/01/2026	20/07/2026	2.950.000.000	44.516.712	2.994.516.712	3,40	6
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	25/03/2026	25/03/2027	550.000.000	10.336.986	560.336.986	7,00	12
Cộng			53.629.698.902	997.939.870	54.627.638.772		

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	% biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND	% biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	127.899.500.000		(*)	(12.339.076.175)	33.148.072.273	(*)	(9.575.582.370)	
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	99,998	24.999.500.000	(*)	(4.909.058.401)	24.999.500.000	(*)	(4.685.942.585)	
+ Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	98,00	4.900.000.000	(*)	(4.900.000.000)	4.900.000.000	(*)	(4.889.639.785)	
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Trạc sạc Việt Nam	98,00	98.000.000.000	(*)	(2.530.017.774)	3.248.572.273	(*)	-	
Cộng	127.899.500.000		(*)	(12.339.076.175)	33.148.072.273	(*)	(9.575.582.370)	

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Ghi chú: Quyền biểu quyết của Công ty tại các công ty con, liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.
Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Số dư đầu năm	9.575.582.370	7.781.412.027
Trích lập trong kỳ	2.763.493.805	1.794.170.343
Số dư cuối kỳ	12.339.076.175	9.575.582.370

(*) Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong kỳ với Công ty con trình bày tại thuyết minh VIII.2.

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn				
<i>a1. Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (Chỉ tiết tại thuyết minh VIII.2)</i>				
<i>a2. Phải thu khách hàng ngắn hạn khác</i>				
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu – CN Hà Nội	61.770.309.738	-	64.550.402.623	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	5.261.819.344	(3.719.823.370)	14.141.991.386	(3.719.823.370)
Cộng	67.032.129.082	(3.719.823.370)	78.692.394.009	(3.719.823.370)
b. Phải thu của khách hàng dài hạn				
<i>b1. Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>b2. Phải thu khách hàng ngắn hạn khác</i>	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

a1. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh VIII.2)

a2. Trả trước cho người bán ngắn hạn khác

Guangxi Qinzhou Lishun Machinery co.,ltd

Cục thi hành án dân sự Hà Nội

Liuzhou Puling Automobile Sales Co., Ltd.

Trả trước cho người bán ngắn hạn khác

Cộng

b. Trả trước cho người bán dài hạn

b1. Trả trước cho người bán dài hạn là các bên liên quan

b2. Trả trước cho người bán dài hạn khác

Cộng

Số cuối kỳ
VND

39.860.829.296

8.970.414.761

3.326.623.702

1.000.000.000

-

4.643.791.059

48.831.244.057

Số cuối kỳ
VND

62.845.494.290

31.740.752.048

3.326.623.702

18.494.284.855

1.636.013.761

8.283.829.730

94.586.246.338

-

-

-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

- Tạm ứng (*)
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Ký quỹ L/C tại các ngân hàng thương mại
- Phải thu khác
- Trần Lê Cường
- Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên
- Chi cục Hải quan Hưng Yên
- Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ số 8
- Các khoản phải thu khác

Cộng

b. Dài hạn

- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Phải thu khác

Cộng

Chi tiết các khoản tạm ứng và phải thu khác

Đối tượng

Ông Trịnh Văn Chiến

Nội dung tạm ứng,
phải thu khác

Tạm ứng mua vật tư

Giá trị tạm ứng, phải
thu khác

31.220.086.000

Thời gian tạm ứng,
phải thu khác

30/6/2026

Thời gian dự
kiến thu hồi

31/7/2026

Số cuối kỳ

Giá trị ghi sổ
VND

Giá trị dự phòng
VND

**Số đầu năm
(Trình bày lại)**

Giá trị ghi sổ
VND

Giá trị dự phòng
VND

32.536.562.146

54.522.832.886

54.522.832.886

39.844.109.535

9.627.691.607

3.473.103.322

20.081.476.502

1.794.630.194

4.867.207.910

126.903.504.567

(10.174.873.055)

852.598.564

31.283.920.014

31.283.920.014

13.157.470.262

9.627.691.607

684.118.022

-

999.102.322

1.846.558.311

45.293.988.840

(10.174.873.055)

905 562.896

553 635.571

1.459.198.467

542.994.488

607.993.467

1.150.987.955

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Giá trị có thể thu hồi VND	Số đầu năm			Giá trị có thể thu hồi VND
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Phải thu khách hàng								
Ban quản lý dự án 3	Trên 03 năm	2.905.379.780	(2.905.379.780)	-	Trên 03 năm	2.905.379.780	(2.905.379.780)	-
Công ty Cổ phần đầu tư thương mại H&H Hà Nội	Trên 03 năm	416.550.000	(416.550.000)	-	Trên 03 năm	416.550.000	(416.550.000)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Ô tô Tây Đô - Chi nhánh Kiên Giang	Từ 01 - 02 năm	253.093.600	(126.546.800)	126.546.800	Từ 01 - 02 năm	253.093.600	(126.546.800)	126.546.800
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	271.346.790	(271.346.790)	-	Trên 03 năm	271.346.790	(271.346.790)	-
Phải thu khác								
Trần Lê Cường	Trên 03 năm	9.627.691.607	(9.627.691.607)	-	Trên 03 năm	9.627.691.607	(9.627.691.607)	-
Công ty Cổ phần Đông Phát	Từ 01 - 02 năm	14.545.454	(7.272.727)	7.272.727	Từ 01 - 02 năm	14.545.454	(7.272.727)	7.272.727
Các đối tượng khác	Từ 02 - 03 năm	601.186.879	(539.908.721)	61.278.158	Từ 02 - 03 năm	601.186.879	(539.908.721)	61.278.158
Trả trước cho người bán								
Guangxi Qinzhou Lishun Machinery co.,Ltd	Từ 01 - 02 năm	3.289.689.404	(1.644.844.702)	1.644.844.702	Từ 01 - 02 năm	3.289.689.404	(1.644.844.702)	1.644.844.702
Công ty cổ phần phần mềm Bravo	Từ 01 - 02 năm	79.940.000	(39.970.000)	39.970.000	Từ 01 - 02 năm	79.940.000	(39.970.000)	39.970.000
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Nice Works	Từ 02 - 03 năm	180.000.000	(126.000.000)	54.000.000	Từ 02 - 03 năm	180.000.000	(126.000.000)	54.000.000
Các đối tượng khác	Trên 03 năm	505.369.500	(505.369.500)	-	Trên 03 năm	505.369.500	(505.369.500)	-
Cộng		18.144.793.014	(16.210.880.627)	1.933.912.387		18.144.793.014	(16.210.880.627)	1.933.912.387

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
	Giá gốc VND	VND	Giá gốc VND	VND
Hàng đi trên đường	4.385.068.209	-	4.026.189.170	-
Nguyên liệu, vật liệu	17.224.451.021	(706.296.566)	31.874.217.313	-
Công cụ, dụng cụ	124.101.195	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.442.439.440	-	62.551.151.417	-
Sản phẩm	836.648.113.537	(450.807.553)	164.965.868.318	(2.011.816.449)
Hàng hóa	68.822.196.464	(23.307.065.349)	96.785.753.936	(1.771.293.925)
Hàng gửi đi bán	125.327.527.942	(2.807.637.029)	102.872.306.203	(12.731.249.636)
Cộng	1.110.973.897.808	(27.271.806.497)	463.075.486.357	(16.514.360.010)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm cuối kỳ là 1.037.642.531.940 đồng.

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Giá trị có thể thu hồi	Số đầu năm	Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc VND	VND	Giá gốc VND	VND
<i>a. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</i>	-	-	-	-
<i>b. Xây dựng cơ bản dở dang</i>	7.583.650.674	(*)	7.102.690.240	(*)
- Mua sắm	166.500.000	(*)	254.370.911,00	(*)
- XDCB	7.417.150.674	(*)	6.848.319.329	(*)
Cộng	7.583.650.674	(*)	7.102.690.240	(*)

(*) Công ty chưa có cơ sở đánh giá giá trị có thể thu hồi của tài sản dở dang dài hạn này.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ Quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	194.409.239.580	153.108.954.453	39.029.774.001	7.713.134.862	3.877.032.428	398.138.135.324
Số tăng trong kỳ	-	246.461.306	1.236.453.568	244.909.259	-	1.727.824.133
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	246.461.306	1.236.453.568	244.909.259	-	1.727.824.133
Số giảm trong kỳ	-	(840.237.817)	(3.261.797.657)	(225.366.932)	-	(4.327.402.406)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(840.237.817)	(3.261.797.657)	(225.366.932)	-	(4.327.402.406)
Số dư cuối kỳ	194.409.239.580	152.515.177.942	37.004.429.912	7.732.677.189	3.877.032.428	395.538.557.051
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	78.513.609.893	107.256.707.042	27.180.709.481	5.101.433.592	3.877.032.428	221.929.492.436
Số tăng trong kỳ	1.919.609.070	4.257.727.033	1.009.003.875	232.198.195	-	7.418.538.173
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.919.609.070	4.257.727.033	1.009.003.875	232.198.195	-	7.418.538.173
Số giảm trong kỳ	-	(840.237.817)	(2.486.028.916)	(225.366.932)	-	(3.551.633.665)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(840.237.817)	(2.486.028.916)	(225.366.932)	-	(3.551.633.665)
Số dư cuối kỳ	80.433.218.963	110.674.196.258	25.703.684.440	5.108.264.855	3.877.032.428	225.796.396.944
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	115.895.629.687	45.852.247.411	11.849.064.520	2.611.701.270	-	176.208.642.888
Tại ngày cuối kỳ	113.976.020.617	41.840.981.684	11.300.745.472	2.624.412.334	-	169.742.160.107

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 109.955.462.884 đồng.

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định dùng thế chấp đảm bảo các khoản vay lần lượt là 207.220.782.984 đồng và 100.956.421.236 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Danh mục tài sản cố định hữu hình hiện hữu cuối kỳ			
Tên tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Phân xưởng hàn No.22 và No.04A	42.062.745.100	5.468.156.850	36.594.588.250
Nhà xưởng DC hạng trung- nặng (T.Đôi T.Gian NCKT.0051)	47.027.946.984	6.458.063.118	40.569.883.866
Thiết bị, máy móc dây chuyền sơn ED (sau nâng cấp) gộp 0089 và 0145	85.131.462.680	59.119.071.268	26.012.391.412
Tài sản cố định hữu hình khác	221.316.402.287	154.751.105.708	66.565.296.579
Cộng	395.538.557.051	225.796.396.944	169.742.160.107

Danh mục tài sản cố định thanh lý, nhượng bán trong kỳ

Tên tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm thanh lý VND	Giá trị còn lại tại thời điểm thanh lý VND
Xe ô tô 7 chỗ ISUZU Highlander 29V-2632	534.792.381	534.792.381	-
Xe 5 chỗ TATA Safire Aura Biển 29A-745.53	432.162.350	432.162.350	-
Tài sản cố định hữu hình khác	3.360.447.675	2.584.678.934	775.768.741
Cộng	4.327.402.406	3.551.633.665	775.768.741

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phản mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	2.831.445.000	2.831.445.000
Số tăng trong kỳ	-	-
- Mua trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	2.831.445.000	2.831.445.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	1.245.574.257	1.245.574.257
Số tăng trong kỳ	163.275.300	163.275.300
- Khấu hao trong kỳ	163.275.300	163.275.300
Số giảm trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	1.408.849.557	1.408.849.557
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.585.870.743	1.585.870.743
Tại ngày cuối kỳ	1.422.595.443	1.422.595.443

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng 165.939.000 đồng.

Danh mục tài sản cố định vô hình hiện hữu cuối kỳ

Tên tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Phần mềm Bravo 8R2	2.317.500.000	1.290.355.343	1.027.144.657
Phần mềm cho hệ thống máy tính và máy chủ TT	265.506.000	115.052.600	150.453.400
Tài sản cố định vô hình khác	248.439.000	3.441.614	244.997.386
Cộng	2.831.445.000	1.408.849.557	1.422.595.443

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	9.499.897.918	9.499.897.918
Số tăng trong kỳ	1.024.772.006	1.024.772.006
- Thuê tài chính trong kỳ	1.024.772.006	1.024.772.006
Số giảm trong kỳ	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê TC	-	-
Số dư cuối kỳ	10.524.669.924	10.524.669.924
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	114.275.201	114.275.201
Số tăng trong kỳ	816.226.994	816.226.994
- Khấu hao trong kỳ	816.226.994	816.226.994
Số giảm trong kỳ	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê TC	-	-
Số dư cuối kỳ	930.502.195	930.502.195
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	9.385.622.717	9.385.622.717
Tại ngày cuối kỳ	9.594.167.729	9.594.167.729

Danh mục tài sản cố định thuê tài chính hiện hữu cuối kỳ

Tên tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Bộ kiểm tra thanh ABS đơn trục (Model: HABSZ-030T1)	1.476.546.296	91.467.467	1.385.078.829
Bộ súng sơn tĩnh điện HB4000	1.374.708.992	165.913.153	1.208.795.839
Thiết bị IMMO Model VMT3C	1.427.601.988	105.191.723	1.322.410.265
Thiết bị và phần mềm kiểm tra VCU, sử dụng cho xe EV, Brand: Yanhua	1.701.660.876	125.385.540	1.576.275.336
Tài sản cố định thuê tài chính khác	4.544.151.772	442.544.312	4.101.607.460
Cộng	10.524.669.924	930.502.195	9.594.167.729

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu năm VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Nguyên giá	102.543.081.684	-	-	102.543.081.684
Quyền sử dụng đất	50.420.000.000	-	-	50.420.000.000
Nhà	50.138.334.208	-	-	50.138.334.208
Thiết bị quản lý	1.984.747.476	-	-	1.984.747.476
Giá trị hao mòn lũy kế	19.100.714.783	1.119.305.460	-	20.220.020.243
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Nhà	17.654.520.569	1.076.658.402	-	18.731.178.971
Thiết bị quản lý	1.446.194.214	42.647.058	-	1.488.841.272
Giá trị còn lại	83.442.366.901	-	(1.119.305.460)	82.323.061.441
Quyền sử dụng đất	50.420.000.000	-	-	50.420.000.000
Nhà	32.483.813.639	-	(1.076.658.402)	31.407.155.237
Thiết bị quản lý	538.553.262	-	(42.647.058)	495.906.204

Ghi chú: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 để trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

Nguyên giá và giá trị còn lại cuối năm của bất động sản đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay lần lượt là 102.543.081.684 đồng và 82.323.061.441 đồng.

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 622.929.294 đồng.

Danh mục bất động sản đầu tư hiện hữu tại cuối kỳ

Tên tài sản	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
02 Biệt thự hình thành trên đất CN HCM	21.706.666.668	8.393.434.934	13.313.231.734
Nhà để xe tại CN HCM	16.026.679.274	5.434.191.268	10.592.488.006
Quyền sử dụng đất CN HCM	50.420.000.000	-	50.420.000.000
Bất động sản đầu tư khác	14.389.735.742	6.392.394.041	7.997.341.701
Cộng	102.543.081.684	20.220.020.243	82.323.061.441

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****13. Chi phí chờ phân bổ**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	481.813.697	153.408.067
Chi phí lấy tem đăng kiểm	460.866.208	131.841.090
Chi phí vận chuyển xe	2.396.573.532	1.761.175.890
Chi phí thuê văn phòng	133.507.709	-
Các khoản khác	2.629.790.136	989.782.022
Cộng	6.102.551.282	3.036.207.069
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.977.207.690	2.214.386.293
Chi phí sửa chữa	2.431.383.917	1.974.400.038
Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	10.556.214.852	10.764.901.858
Chi phí thuê văn phòng	34.699.379.584	35.100.063.496
Chi phí thuê vị trí đặt biển	613.636.338	695.454.522
Chi phí thử nghiệm	3.684.378.822	3.460.844.899
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	13.408.004.657	15.509.204.813
Chi phí dự án xe điện	1.517.312.893	3.793.282.237
Các khoản khác	3.979.973.554	5.472.753.385
Cộng	72.867.492.307	78.985.291.541

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuế tài chính	Số cuối kỳ VND	Trong kỳ		Số đầu năm VND
		Tăng VND	Giảm VND	
a. Vay ngắn hạn	675.301.033.693	1.199.009.222.670	976.858.607.921	453.150.418.944
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>665.182.624.117</i>	<i>1.189.907.564.986</i>	<i>975.405.386.357</i>	<i>450.680.445.488</i>
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(a)	243.958.261.304	329.918.927.633	350.053.595.543	264.092.929.214
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội ^(b)	140.380.826.725	148.183.463.523	175.755.126.542	167.952.489.744
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ^(c)	158.655.829.227	553.432.013.769	399.958.806.882	5.182.622.340
Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ^(d)	60.246.663.082	92.432.116.282	40.634.940.990	8.449.487.790
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(e)	18.453.753.824	22.453.753.824	9.002.916.400	5.002.916.400
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Hà Nam ^(f)	43.487.289.955	43.487.289.955	-	-
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>10.118.409.576</i>	<i>9.101.657.684</i>	<i>1.453.221.564</i>	<i>2.469.973.456</i>
Ông Bùi Văn Hữu	7.172.400.000	7.172.400.000	-	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội ^(g)	2.946.009.576	1.929.257.684	1.453.221.564	2.469.973.456
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	234.360.941.428	159.498.873.949	118.750.824.867	193.612.892.346
b.1 Vay dài hạn	229.832.870.817	158.779.484.000	116.821.567.183	187.874.954.000
Bà Bùi Thị Hồng Nhung	-	-	78.335.069.000	78.335.069.000
Bà Phạm Thị Nguyệt	-	-	4.450.000.000	4.450.000.000
Ông Bùi Văn Hữu ^(h)	173.851.784.000	80.803.484.000	10.758.600.000	103.806.900.000
Bà Trịnh Thị Hồng Lê ^(h)	1.282.985.000	-	-	1.282.985.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sác Việt Nam ⁽ⁱ⁾	54.698.101.817	77.976.000.000	23.277.898.183	-
b.2 Nợ thuế tài chính	4.528.070.611	719.389.949	1.929.257.684	5.737.938.346
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - CN Hà Nội	4.528.070.611	719.389.949	1.929.257.684	5.737.938.346
Cộng	909.661.975.121	1.358.508.096.619	1.095.609.432.788	646.763.311.290

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Thuyết minh chi tiết các khoản vay:

- (a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-18189-01 ngày 17/06/2026 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 1.000 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng, lãi suất trong kỳ từ 8,8% đến 9,6%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại thửa đất số 1487, 1488 tờ bản đồ số 38, địa chỉ phường Thới An, quận 12 thành phố Hồ Chí Minh, Lãng hóa hình thành từ L/C thuộc sở hữu của Công ty và các xe ô tô lắp ráp từ linh kiện nhập khẩu trực tiếp hình thành từ vốn vay Ngân hàng, các sổ tiết kiệm tiền gửi của Công ty và bảo lãnh cá nhân của ông Bùi Văn Hữu.
- (b) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) theo hợp đồng số 01/2026/134960/HĐTD ngày 09/01/2026 để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 450 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất trong kỳ từ 7,9% đến 9,3%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/134960/HĐĐĐ, hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/134960/HĐĐĐ và hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/134960/HĐĐĐ, tài sản đảm bảo của bên thứ 3 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/134960/HĐĐĐ, số 02/2019/134960/HĐĐĐ và hợp đồng thế chấp cổ phiếu niêm yết số 03/2019/134960/HĐĐĐ, tài sản luân chuyển trong quá trình SXKD là hàng tồn kho luân chuyển theo hợp đồng thế chấp số 0../2015/HĐĐĐ.
- (c) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam theo hợp đồng số 79/2025/HĐTD/PVB-HBT ngày 02/12/2025 để bổ sung vốn lưu động, mở LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 600 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức 01 năm, lãi suất trong kỳ từ 7% đến 10%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng hóa của Công ty theo Hợp đồng khung thế chấp tài sản là hàng tồn kho luân chuyển và các quyền tài sản số 174/2019/HĐTC/PVBHBT-TMT ngày 05/03/2019, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của nhà máy sản xuất lắp ráp xe tải hạng trung - hạng nặng tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 09 thuộc xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên và thửa đất số 255, tờ bản đồ số 06 thuộc xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên theo Hợp đồng thế chấp Máy móc thiết bị số 485/2016/HĐTCVBHBT-TMT ngày 29/10/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số công chứng 624, quyền số 01.2016.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 29/10/2016 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 483/2016/HĐTCVBHBT-TMT ngày 29/10/2016.
- (d) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 11442/25MB/HĐTD ngày 08/07/2025 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 250 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng 36 tháng, thời hạn vay từng lần 06 tháng, lãi suất 9,2% đến 11%/năm. Khoản vay được đảm bảo bộ linh kiện bộ linh kiện hình thành từ vốn vay, thành phẩm là xe ô tô tải hiệu Cửu Long do Công ty lắp ráp hoàn chỉnh từ linh kiện nhập khẩu do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội tài trợ, xe ô tô nhập khẩu nguyên chiếc nhãn hiệu Sinotruck, Howo mới 100% hình thành từ vốn vay, xe lắp ráp thành phẩm, xe nhập khẩu nguyên chiếc có thời hạn kể từ ngày cấp giấy CN xuất xưởng/ đăng kiểm không quá 04 tháng thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/CTD/VCBBD-TMT ngày 13/01/2026 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 25 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng 12 tháng, lãi suất trong kỳ 7,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản Hàng hoá là bộ linh kiện/ ô tô thành phẩm hình thành từ (các) khoản cấp tín dụng tại Ngân hàng.
- (f) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0052/2026/825-CV ngày 25/05/2026 để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất 10% đến 10,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng số 137/2019/CONINCO-HDTVP ngày 02/10/2019 và các phụ lục tại địa chỉ Tầng 9+10 tòa nhà Coninco Tower, số 4 phố Tôn Thất Tùng, phường Trung Tự, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 6H-II-24 tại địa chỉ số 38, phố Phù Đổng Thiên Vương, phường Ngõ Thi Nhậm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10107092864, hồ sơ gốc số 01.2004 do Ủy ban Nhân dân quận Hai Bà Trưng cấp ngày 14/01/2004.
- (g) Khoản thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội số C251151012 ngày 11/12/2025 kỳ hạn thuê 40 tháng, lãi suất 8,95%/năm.
- (h) Khoản vay cá nhân dài hạn để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty, được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 6,5 – 8,5%/năm.
- (i) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư trạm sạc Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn số 2805/2026/HĐVV/TMT-EGREEN ngày 28/05/2026, thời hạn vay từ ngày 01/06/2026 đến ngày 01/06/2031, lãi suất 10%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****15. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn		
<i>a1. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh VIII.2)	5.123.940.784	7.278.883.364
<i>a2. Phải trả người bán ngắn hạn khác</i>	892.309.011.452	519.698.762.875
Sinotruk Import & Export Co.,Ltd.	654.062.275.595	409.608.741.121
Dongfeng Automobile Co., Ltd	37.959.776.564	28.303.408.563
Công ty TNHH Tâm Trí Mạnh	33.454.931.887	6.030.269.189
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1	15.395.004.079	11.817.632.105
Saic GM Wuling Automobile Company Limited	7.347.582.972	9.483.608.482
Starcharge Energy Pte. Ltd.	-	15.148.885.400
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Tư vấn Thiết kế 30-4	8.556.539.973	7.230.815.828
China Dong Feng Motor Industry Imp & Exp. co., ltd	50.563.318.574	-
Nanjing Meter Energy Technology co., ltd	16.289.676.650	-
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	12.694.438.519	2.468.044.210
Phải trả người bán ngắn hạn khác	55.985.466.639	29.607.357.977
Cộng	897.432.952.236	526.977.646.239
b. Phải trả người bán dài hạn		
<i>b1. Phải trả người bán dài hạn là các bên liên quan</i>	-	-
<i>b2. Phải trả người bán dài hạn khác</i>	-	-
Cộng	-	-

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
<i>a1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</i> (Chi tiết tại thuyết minh VIII.2)	9.343.928.186	15.703.864.314
<i>a2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác</i>	58.287.504.981	55.324.200.060
Công ty CP Dịch vụ vận tải ô tô số 8	17.045.689.240	17.045.689.240
Công ty TNHH Tâm Trí Mạnh	11.297.578.538	849.368.762
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	29.944.237.203	37.429.142.058
Cộng	67.631.433.167	71.028.064.374
b. Người mua trả tiền trước dài hạn		
<i>a1. Người mua trả tiền trước dài hạn là các bên liên quan</i>	-	-
<i>a2. Người mua trả tiền trước dài hạn khác</i>	-	-
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
<i>a. Ngắn hạn</i>	148.122.017	10.047.402.244	135.602.278.647	141.839.694.555	14.906.890	3.676.771.209	-	-
Thuế GTGT đầu ra	-	8.178.432.355	2.604.476.464	8.676.797.639	-	2.106.111.180	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	54.958.240.472	54.958.240.472	-	-	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	831.204.076	1.324.949.930	1.734.402.666	-	421.751.340	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	148.122.017	-	72.104.476.885	71.971.261.758	14.906.890	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	263.175.640	-	-	-	263.175.640	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	774.125.173	3.678.652.896	3.567.390.020	-	885.388.049	-	-
Thuế tài nguyên	-	465.000	2.610.000	2.730.000	-	345.000	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	928.872.000	928.872.000	-	-	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	148.122.017	10.047.402.244	135.602.278.647	141.839.694.555	14.906.890	3.676.771.209		

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****18. Chi phí phải trả**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay trích trước	856.667.880	1.155.810.725
Chi phí nhập khẩu	4.973.165.271	798.656.256
Chi phí vận chuyển xe đến đại lý	3.628.862.313	1.059.169.936
Chi phí trích trước lương vượt sản lượng	10.117.659.423	-
Chi phí LC	6.833.929.053	4.104.639.544
Chi phí tư vấn bán hàng	3.940.500.000	3.548.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.450.549.977	1.221.544.414
Cộng	31.801.333.917	11.887.820.875

19. Phải trả khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1.761.720.100	1.590.281.800
Bảo hiểm xã hội	51.920.034	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	44.000.000	21.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.564.202.234	12.803.014.268
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8	6.039.097.527	1.193.924.373
- Saic GM Wuling Automobile Company Limited	1.901.300.131	1.482.760.115
- Ông Bùi Văn Hữu	4.907.972.845	4.198.178.359
- Công ty TNHH Phát Triển Công nghiệp Minh Khuê	4.798.181.832	-
- Các đối tượng khác	3.917.649.899	5.928.151.421
Cộng	23.421.842.368	14.414.296.068
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	28.262.000.000	29.462.000.000
Cộng	28.262.000.000	29.462.000.000

20. Doanh thu chờ phân bổ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
b. Dài hạn		
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn khác (*)	312.195.546	-
Cộng	312.195.546	-

(*) Phần chênh lệch giữa thu nhập bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản và thuê lại tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu mua lại chính mình VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	17.289.479.810	(262.428.465.671)	119.900.778.379
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	64.737.767.693	64.737.767.693
Số dư cuối năm trước	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	17.289.479.810	(197.690.697.978)	184.638.546.072
Số dư đầu kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	64.733.681.865	64.733.681.865
Số dư cuối kỳ này	372.876.800.000	360.727.500	483.226.387	(8.680.989.647)	17.289.479.810	(132.957.016.113)	249.372.227.937

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	%	Số đầu năm VND	%
Ông Bùi Văn Hữu	123.057.040.000	33,00	123.057.040.000	33,00
Các đối tượng khác	245.722.760.000	65,90	245.722.760.000	65,90
Cổ phiếu mua lại chính mình	4.097.000.000	1,10	4.097.000.000	1,10
Cộng	372.876.800.000	100	372.876.800.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	372.876.800.000	372.876.800.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	372.876.800.000	372.876.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.287.680	37.287.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.287.680	37.287.680
- Cổ phiếu phổ thông	37.287.680	37.287.680
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	409.700	409.700
- Cổ phiếu phổ thông	409.700	409.700
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.877.980	36.877.980
- Cổ phiếu phổ thông	36.877.980	36.877.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần

22. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	14.263,62	4.302.036,00
- EUR	12,3	23,00
	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.754.348.264	3.754.348.264

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****23. Thông tin khác**

Công ty thuê tầng 9, tầng 10 Toà nhà Coninco Tower, Số 04 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn cho thuê 50 năm kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2020 và có khả năng gia hạn thêm.

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tổng số tiền thuê đã thanh toán của hợp đồng thuê hoạt động tài sản	44.261.091.203	44.261.091.203
Giá trị còn lại chờ phân bổ	34.603.705.179	35.398.228.779

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	27.243.001.214	168.849.487.789
Doanh thu bán sản phẩm	1.103.495.227.897	1.063.195.667.880
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.893.041.810	1.698.075.987
Cộng	1.134.631.270.921	1.233.743.231.656

Trong đó:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.2)	181.454.185.827	279.563.947.619

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chiết khấu thương mại	1.791.446.157	1.027.027.555
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	162.962.963	1.058.265.186
Cộng	1.954.409.120	2.085.292.741

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	22.808.002.182	177.149.433.817
Giá vốn của sản phẩm đã bán	934.746.453.429	917.459.268.750
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.091.786.718	4.802.795.655
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	10.757.446.487	(384.627.127)
Cộng	971.403.688.815	1.099.026.871.095

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.793.521	2.996.370
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, cho vay	2.529.718.395	1.890.839.410
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.423.829.041	-
Cộng	4.955.340.957	3.064.351.220

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	29.042.878.365	13.028.168.270
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.393.901.204	9.992.384.656
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.763.536.475	1.122.590.433
Chi phí tài chính khác	874.714.243	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	(153.500)
Cộng	35.075.030.287	24.142.989.859

6. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	255.761.241	18.518.519
Linh kiện được cấp miễn phí	1.219.438.581	984.403.556
Khoản phạt thu được	165.000.000	79.473.540
Thanh lý phế liệu	1.342.592.592	-
Công nợ không phải trả	463.882.852	-
Tiền hỗ trợ chi phí quảng cáo nhận được	388.276.070	21.497.700
Các khoản khác	812.459.748	43.435.848
Cộng	4.647.411.084	1.147.329.163

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.745.470	-
Các khoản bị phạt, chậm nộp	225.879.279	4.501.177.303
Khoản phạt hợp đồng	3.970.458.911	-
Các khoản khác	40.285.301	19.223.616
Cộng	4.246.368.961	4.520.400.919

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****8. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	21.557.056.939	11.350.184.264
Chi phí vật liệu	85.964.536	566.635.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	127.818.472	87.202.989
Chi phí khấu hao TSCĐ	490.956.378	464.080.446
Chi phí bảo hành	111.772.857	1.593.349.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.550.125.560	10.400.657.380
Các khoản chi phí khác	1.114.217.167	2.963.693.183
Cộng	46.037.911.909	27.425.802.958

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.779.560.289	11.663.443.378
Chi phí vật liệu quản lý	830.909	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	781.619.091	863.219.292
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.093.120.896	1.626.304.260
Thuế, phí và lệ phí	530.123.820	880.521.146
Chi phí dự phòng	-	944.306.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.824.290.688	8.668.109.525
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	773.386.312	186.808.002
Cộng	20.782.932.005	24.832.712.453

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế cho kỳ hiện hành (*)	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.733.681.865	55.920.842.014
Các khoản điều chỉnh tăng	389.779.721	4.676.401.273
<i>Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế</i>	225.879.279	4.501.177.303
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của tiền gửi ngân hàng</i>	-	168.550.983
<i>Các khoản chi phí khác</i>	163.900.442	6.672.987
Các khoản điều chỉnh giảm	65.123.461.586	60.597.243.287
<i>Lãi CLTG do đánh giá lại cuối năm của khoản phải thu và TGNH</i>	197.064.270	-
<i>Chuyển lỗ năm 2024 (**)</i>	64.926.397.316	60.597.243.287
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-

() Phụ lục chuyển lỗ của Công ty như sau:**

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
1	2024	252.198.962.330	-	252.198.962.330
2	2025	-	76.084.794.593	176.114.167.737
3	06 tháng 2026	-	64.926.397.316	187.272.565.014

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	605.080.312.964	1.004.582.367.810
Chi phí nhân công	83.542.715.568	59.681.855.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.759.751.692	9.773.879.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.743.183.958	24.055.326.199
Chi phí khác bằng tiền	5.090.456.262	10.628.425.513
Chi phí dự phòng	-	(384.627.127)
Cộng	738.216.420.444	1.108.337.228.103

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Góp vốn vào công ty con thông qua bù trừ công nợ	16.773.858.079	-
Trả nợ gốc vay bằng bù trừ công nợ	23.277.898.183	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Lãnh đạo, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các cá nhân có liên quan với Công ty gồm:

Các cá nhân liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Quốc Công	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Phóng	Ủy viên HĐQT
Ông Bùi Quốc Hưng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Tiến	Ủy viên HĐQT
Ông Bùi Quang Huy	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Đạt	Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Kim Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nghĩa Trung	Kế toán trưởng
Ông Lê Tiến Phan	Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu 11,72%)
Bà Bùi Thị Hồng Nhung	Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu 7,43%)
Bà Bùi Thị Huế	Cổ đông lớn (tỷ lệ sở hữu 9,99%)
Bà Trịnh Thị Hồng Lê	Vợ ông Mai Tiến
Ông Bùi Trung Dũng	Anh trai ông Bùi Văn Hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2026 Đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 Đến 30/6/2025 VND
Ông Bùi Văn Hữu		
Vay	80.803.484.000	5.289.336.987
Trả nợ vay	3.586.200.000	5.289.336.987
Bà Bùi Thị Hồng Nhung		
Trả nợ vay	78.335.069.000	-
Bà Phạm Thị Nguyệt		
Trả nợ vay	4.450.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Ông Bùi Văn Hữu		
Vay	181.024.184.000	103.806.900.000
Phải trả khác	4.907.972.845	4.198.178.359
Bà Bùi Thị Hồng Nhung		
Vay	-	78.335.069.000
Bà Phạm Thị Nguyệt		
Vay	-	4.450.000.000
Bà Trịnh Thị Hồng Lê		
Vay	1.282.985.000	1.282.985.000
Cộng nợ phải trả	187.215.141.845	192.073.132.359

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt 06 tháng năm 2026:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng VND	Thù lao VND	Tổng thu nhập VND
	Ban Lãnh đạo	6.692.308.864	683.640.100	7.375.948.964
Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch HĐQT	2.639.236.577	265.384.500	2.904.621.077
Ông Bùi Quốc Công	Phó Chủ tịch HĐQT	1.851.010.538	156.923.000	2.007.933.538
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	669.601.357	101.528.900	771.130.257
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	759.844.879	86.919.100	846.763.979
Ông Vũ Đình Phóng	Thành viên HĐQT	228.354.613	42.884.600	271.239.213
Ông Mai Tiến	Thành viên HĐQT	5.000.000	30.000.000	35.000.000
Ông Bùi Tiến Đạt	Thành viên HĐQT	5.000.000	-	5.000.000
Ông Phạm Kim Đức	Phó TGĐ	534.260.900	-	534.260.900
	Ban Kiểm soát	317.597.358	45.026.600	362.623.958
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng ban	193.587.914	21.026.600	214.614.514
Ông Bùi Văn Kiên	Thành viên	122.009.444	12.000.000	134.009.444
Bà Lê Thị Nga	Thành viên	2.000.000	12.000.000	14.000.000
Cộng		7.009.906.223	728.666.700,00	7.738.572.923

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Chi tiết thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt 06 tháng năm 2025:

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương, thưởng VND	Thù lao VND	Tổng thu nhập VND
	Ban Lãnh đạo	3.570.964.778	773.828.166	4.344.792.944
Ông Bùi Văn Hữu	Chủ tịch	1.564.102.333	273.076.800	1.837.179.133
Ông Bùi Quốc Công	Phó Chủ tịch	1.036.410.111	163.846.200	1.200.256.311
Ông Bùi Quốc Hưng	Thành viên	371.983.111	109.469.200	481.452.311
Ông Bùi Quang Huy	Thành viên	392.820.556	106.923.000	499.743.556
Ông Vũ Đình Phóng	Thành viên	205.648.667	53.846.300	259.494.967
Ông Mai Tiến	Thành viên	-	33.333.333	33.333.333
Ông Bùi Tiến Đạt	Thành viên	-	33.333.333	33.333.333
	Ban Kiểm soát	188.256.444	50.163.644	238.420.088
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Trưởng ban	188.256.444	25.719.200	213.975.644
Ông Bùi Văn Kiên	Thành viên	-	11.111.111	11.111.111
Bà Lê Thị Nga	Thành viên	-	13.333.333	13.333.333
Cộng		3.759.221.222	823.991.810	4.583.213.032

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng Kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thương mại - DV - Tổng hợp Ngọc Anh	Công ty con
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Trạm Sạc Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là cổ đông nắm giữ 69,85% cổ phần Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn TMT
Công ty Cổ phần Phân phối Sinotruk Việt Nam	Ông Bùi Văn Hữu - Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phân phối Sinotruk Việt Nam
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	Ông Bùi Trung Dũng là cổ đông nắm giữ 20% cổ phần Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Bán hàng hóa	175.302.447.247	278.118.193.854
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	31.967.580.189	16.544.503.705
Công ty cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	26.913.786.350	44.098.161.354
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	42.744.499.168	17.346.791.778
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sặc Việt Nam	31.948.961.890	-
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	41.727.619.650	200.128.737.017
Chiết khấu thương mại	-	23.148.148
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	-	23.148.148
Cung cấp dịch vụ	6.151.738.580	1.445.753.765
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	-	29.003.704
Công ty cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	60.000.000	1.407.941.727
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	2.426.528.442	8.808.334
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sặc Việt Nam	3.665.210.138	-
Thanh lý tài sản cố định	432.727.273	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sặc Việt Nam	432.727.273	-
Mua hàng hóa	-	10.396.944.453
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	-	10.396.944.453
Vay	77.976.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sặc Việt Nam	77.976.000.000	-
Chuyển tiền góp vốn	77.977.569.648	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sặc Việt Nam	77.977.569.648	-
Góp vốn bằng bù trừ công nợ	16.773.858.079	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tràm sặc Việt Nam	16.773.858.079	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	61.770.309.738	64.550.402.623
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	6.722.894.326	761.688.726
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	30.647.970.422	20.615.548.150
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	13.173.867.724	9.208.271.339
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	11.225.577.266	33.964.894.408
Trả trước cho người bán ngắn hạn	62.845.494.290	39.860.829.296
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	4.855.681.239	4.855.681.239
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	21.413.914.303	20.587.693.642
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	10.917.153.696	10.043.483.715
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	25.658.745.052	4.373.970.700
Phải thu khác ngắn hạn	8.430.274.103	1.886.550.931
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	43.330.587	43.330.587
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	1.794.630.194	999.102.322
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	1.300.000.000	160.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	5.292.313.322	684.118.022
Cộng nợ phải thu	133.046.078.131	106.297.782.850
Phải trả người bán ngắn hạn	5.123.940.784	7.278.883.364
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	-	126.939.840
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Ngọc Anh	1.120.060.791	1.120.060.791
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	14.351.645	1.987.200
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	3.989.528.348	6.029.895.533

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	9.343.928.186	15.703.864.314
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Đà Nẵng	4.627.520.392	4.909.348.392
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	841.015.420	4.744.651.938
Công ty Cổ phần Ô tô TMT Sài Gòn	45.649.834	721.649.834
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	3.829.742.540	5.328.214.150
<i>Phải trả khác dài hạn</i>	1.150.000.000	1.150.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Dịch vụ Số 8	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Ô tô TMH Hưng Yên	350.000.000	350.000.000
Cộng nợ phải trả	15.617.868.970	24.132.747.678

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán xe ô tô và phụ tùng;
- Lĩnh vực dịch vụ: dịch vụ cho thuê, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng xe ô tô.

Hơn 99% doanh thu của Công ty là mua bán xe ô tô và phụ tùng.

Khu vực địa lý:

Hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND	Giá trị sổ sách VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	296.095.888.469	-	365.187.765.433	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	107.429.874.188	(13.894.696.425)	92.457.857.738	(13.894.696.425)
Trả trước cho người bán	94.586.246.338	(2.316.184.202)	48.831.244.057	(2.316.184.202)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	54.628.712.302	(196.600)	142.793.999.220	(153.930)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	127.899.500.000	(12.339.076.175)	33.148.072.273	(9.575.582.370)
Cộng	680.640.221.297	(28.550.153.402)	682.418.938.721	(25.786.616.927)

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	909.661.975.121	646.763.311.290
Phải trả người bán	897.432.952.236	526.977.646.239
Người mua trả trước	67.631.433.167	71.028.064.374
Chi phí phải trả	31.801.333.917	11.887.820.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.564.202.234	12.803.014.268
Cộng	1.928.091.896.675	1.269.459.857.046

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7, V9 và V.12). Tại thời điểm kết thúc năm Công ty không có nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình Kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Từ 01 năm đến 05 năm VND	Cộng VND
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	675.301.033.693	234.360.941.428	909.661.975.121
Phải trả người bán	897.432.952.236	-	897.432.952.236
Người mua trả trước	67.631.433.167	-	67.631.433.167
Chi phí phải trả	31.801.333.917	-	31.801.333.917
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.564.202.234	-	21.564.202.234
Số đầu năm			
Vay và nợ	453.150.418.944	193.612.892.346	646.763.311.290
Phải trả người bán	526.977.646.239	-	526.977.646.239
Người mua trả trước	71.028.064.374	-	71.028.064.374
Chi phí phải trả	11.887.820.875	-	11.887.820.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.564.202.234	-	21.564.202.234

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TMT

Địa chỉ: Tầng 9+10 tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)****9. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

10. Số liệu so sánh

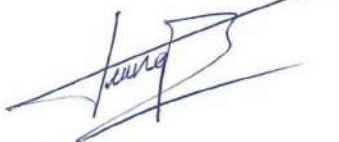
Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán NVA – Chi nhánh phía Bắc. Như đã trình bày tại Thuyết minh I.07, kể từ ngày 01/01/2026, Công ty áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số chỉ tiêu so sánh tại ngày 01/01/2026 được phân loại lại để phù hợp với quy định tại Thông tư 99 về trình bày báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (Bảng cân đối kế toán riêng):

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2026 (trình bày lại) VND	Tại 31/12/2025 (theo báo cáo trước đây) VND
Các khoản tương đương tiền	235.703.390.411	235.000.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	142.792.925.690	-
Phải thu khác ngắn hạn	45.293.988.840	188.190.304.941

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (trình bày lại) VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (theo báo cáo trước đây) VND
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	(1.890.702.610)	(1.893.698.980)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	813.543.035	816.539.405

Người lập biểu**Bùi Đức Huy****Kế toán trưởng****Nguyễn Nghĩa Trung****Chủ tịch Hội đồng quản trị****Bùi Văn Hữu**

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026